

CONVICT LABOR IN COLONIAL VIETNAM: A CASE STUDY OF LABOR PRACTICES AT CON DAO PRISON UNDER THE FRENCH RULE

Nguyen Thi Trang*, Nguyen Thu Trang, Tran Minh Duc

TNU - University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	13/5/2025	This article analyzes the organization and use of convict labor at Con Dao prison, which was one of the earliest established and most populous penal institutions under the French colonial rule. The study utilizes historical methodology and a combination of archival materials and administrative documents to elucidate how the colonial authorities established a system of convict labor to serve both economic and control-oriented objectives. The article further demonstrates that prisoners were assigned to various tasks, including stone breaking, transporting materials, constructing public works, road building, land cultivation, fishing, and performing services for the prison administration. It is important to note that these convicted laborers were subject to substandard conditions, receiving minimal compensation and lacking fundamental occupational safety protections. This prompted them to take collective action in protest, demanding their rights be recognized. This research makes a significant contribution to the field by recognizing convict labor as a structural component of the colonial state apparatus. Additionally, it highlights the social resistance of prisoners in response to exploitative labor conditions at Con Dao.
Revised:	25/6/2025	
Published:	25/6/2025	
KEYWORDS		
Convict labor		
Con Dao prison		
Forced labor		
French Colonialism		
Vietnam		

LAO ĐỘNG BỊ KẾT ÁN: MỘT NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP VỀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO THỜI KÌ VIỆT NAM THUỘC PHÁP

Nguyễn Thị Trang*, Nguyễn Thu Trang, Trần Minh Đức

Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	13/5/2025	Bài viết phân tích quá trình tổ chức và sử dụng lao động bị kết án tại nhà tù Côn Đảo – một trong những nhà tù được thành lập sớm nhất và có số lượng tù nhân đông đảo nhất dưới thời Pháp thuộc. Dựa trên phương pháp lịch sử, kết hợp tư liệu lưu trữ và văn bản hành chính, bài viết làm rõ cách chính quyền thực dân thiết lập mạng lưới lao động bị kết án nhằm phục vụ các mục tiêu kinh tế – kiểm soát. Đồng thời, bài viết cho thấy các tù nhân bị phân bổ làm các công việc như đập đá, khuôn vác vật liệu, xây dựng công trình, mở đường, trồng trọt khai hoang, đánh bắt thủy sản hay lao động phục vụ đời sống cho bộ máy cai trị nhà tù. Đáng chú ý, các tù nhân làm việc trong điều kiện khắc nghiệt, chế độ đãi ngộ thấp và không có các biện pháp bảo hộ an toàn lao động tối thiểu, do đó họ đã đứng lên đấu tranh đòi quyền lợi cho mình. Nghiên cứu này góp phần nhận diện vai trò của lao động hình sự như một cấu phần trong bộ máy vận hành của nhà nước thực dân, đồng thời chỉ ra những phản ứng xã hội từ phía người tù trước tình trạng lao động áp bức tại Côn Đảo.
Ngày hoàn thiện:	25/6/2025	
Ngày đăng:	25/6/2025	
TỪ KHÓA		
Lao động bị kết án		
Nhà tù Côn Đảo		
Lao động cưỡng bức		
Thực dân Pháp		
Việt Nam		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12787>

* Corresponding author. Email: trangnt.his@tnue.edu.vn

1. Giới thiệu

Lao động bị kết án được hiểu là “một loại hình lao động được thực hiện bởi các cá nhân nằm dưới sự kiểm soát của hệ thống hình sự và/hoặc hành chính” [1, tr.49]. Để trở thành một người lao động bị kết án, cá nhân phải trải qua một quy trình kép: trước hết là bị kết án bởi các thiết chế pháp lý và hành chính sau đó bị tổ chức thành lực lượng lao động cưỡng bức thông qua các quy định hợp thức hóa chế độ làm việc này, cùng với hệ thống công cụ tổ chức thực thi điều đó trong thực tiễn. Trong lịch sử, đặc biệt từ thời cận đại, lao động bị kết án là một hình thức phổ biến trong nhiều xã hội và được sử dụng như một nguồn nhân lực đặc biệt phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội. Các đế quốc thực dân như Anh [2], Pháp [3], Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan [4], [5] đã sử dụng loại hình lao động này như một công cụ thiết yếu để thiết lập chủ quyền và thúc đẩy tiến trình thuộc địa hóa các vùng lãnh thổ mới, đặc biệt là ở những khu vực biên giới, hẻo lánh hoặc chưa có hệ thống quản trị hoàn chỉnh.

Tại Đông Dương, sau khi hoàn tất cơ bản quá trình xâm chiếm Việt Nam bằng quân sự vào năm 1884, chính quyền thực dân Pháp đã nhanh chóng tổ chức khai thác nguồn nhân lực từ các nhà tù nhằm phục vụ cho hoạt động thuộc địa hóa. Lực lượng lao động bị kết án được phân bổ vào nhiều lĩnh vực như xây dựng và duy trì hệ thống đường sắt, cầu đường, công trình thủy lợi, cơ sở y tế – giáo dục, và các hạ tầng phục vụ hành chính – quân sự. Tại các đô thị lớn như Hà Nội và Sài Gòn, lực lượng này góp phần quan trọng vào việc kiến thiết các công trình công cộng, trong khi ở nông thôn, họ bị điều động phục vụ cho việc khai hoang, cải tạo đất đai, hoặc thực hiện các nhiệm vụ hậu cần [6].

Trong mạng lưới nhà tù tại Việt Nam thời thuộc địa, nhà tù Côn Đảo – thành lập từ năm 1862 – nổi bật như một trong những cơ sở giam giữ sớm nhất và lớn nhất. Do vị trí địa lý biệt lập, nhà tù Côn Đảo không chỉ là nơi giam giữ mà còn trở thành một không gian xã hội khép kín, nơi lao động bị kết án được huy động một cách có hệ thống, phục vụ trực tiếp cho hoạt động duy trì và phát triển hạ tầng trên đảo [7]. Các hình thức lao động cưỡng bức tại đây rất đa dạng: từ đập đá, khuôn vác vật liệu, xây dựng công trình, mở đường, trồng trọt khai hoang, đánh bắt thủy sản đến lao động phục vụ đời sống cho bộ máy cai trị nhà tù. Tuy nhiên, các tù nhân làm việc trong điều kiện khắc nghiệt, chế độ đãi ngộ thấp và không có các biện pháp bảo hộ an toàn lao động tối thiểu.

Việc nghiên cứu về nhà tù Côn Đảo đã được nhiều nhà khoa học quan tâm tìm hiểu trong nhiều khía cạnh như lịch sử hình thành nhà tù, các hình thức trừng phạt [8] hay phong trào đấu tranh của tù nhân chính trị chống lại chính quyền thực dân [9]. Tuy nhiên, việc phân tích chuyên sâu về tổ chức lao động cưỡng bức và tính chất bóc lột lao động tù nhân tại đây vẫn còn hạn chế. Đặc biệt, chưa có nhiều công trình đi sâu vào mối quan hệ giữa quyền lực thuộc địa, hình phạt và tổ chức sản xuất lao động khổ sai trong môi trường nhà tù. Do đó, nghiên cứu này nhằm làm rõ quá trình tổ chức và sử dụng lao động bị kết án tại nhà tù Côn Đảo dưới thời Pháp thuộc. Thông qua việc phân tích các hoạt động lao động khổ sai tại nhà tù Côn Đảo, nghiên cứu sẽ góp phần nhận diện vai trò của lao động bị kết án như một công cụ phục vụ các mục tiêu kinh tế và kiểm soát của chính quyền thực dân Pháp tại Đông Dương. Đồng thời, nghiên cứu cũng hướng đến việc tìm hiểu nguyên nhân và hệ quả của làn sóng đấu tranh của tù nhân tại nhà tù Côn Đảo, qua đó làm rõ những yếu tố thúc đẩy sự phản kháng của lao động bị kết án trước các điều kiện lao động khắc nghiệt và bất công. Bằng việc phân tích các phong trào đấu tranh, nghiên cứu không chỉ cung cấp cái nhìn sâu sắc về sự đan xen giữa quyền lực, lao động cưỡng bức và quá trình thuộc địa hóa, mà còn làm rõ vai trò của đấu tranh lao động trong việc phản ánh và đối kháng với hệ thống quyền lực thuộc địa tại Việt Nam. Nghiên cứu sẽ góp phần làm rõ mối quan hệ phức tạp giữa quyền lực thuộc địa, hình phạt và lao động cưỡng bức, từ đó giúp hiểu sâu hơn về cơ chế khai thác và bóc lột lao động trong bối cảnh nhà tù thuộc địa.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện theo hướng tiếp cận liên ngành giữa lịch sử và xã hội học, đặt trọng tâm vào việc phân tích các hình thức lao động bị kết án như một cấu phần trong hệ thống thực

dân Pháp tại Việt Nam. Phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng, dựa trên việc khai thác và đối chiếu tư liệu lưu trữ, bao gồm: văn bản hành chính thời kỳ thuộc địa, báo cáo của chính quyền thực dân, quy định pháp lý liên quan đến lao động hình sự. Ngoài ra, bài viết cũng sử dụng phân tích trường hợp điển hình với Côn Đảo làm trung tâm, nhằm tái hiện bối cảnh tổ chức, điều kiện và mục đích của lao động cưỡng bức trong môi trường nhà tù. Việc đặt hiện tượng này vào không gian xã hội – chính trị cụ thể giúp làm rõ tính chất cấu trúc và ý nghĩa lịch sử của lao động bị kết án dưới chế độ thực dân.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Quá trình thành lập nhà tù Côn Đảo và phân loại tù nhân

Côn Đảo là một quần đảo nằm ở vùng biển phía Đông Nam Việt Nam. Với địa hình cách biệt, Côn Đảo được đánh giá là địa điểm lý tưởng để xây dựng một hệ thống nhà tù có quy mô lớn, nơi mà khả năng trốn thoát của tù nhân gần như là bất khả thi [7]. Do đó, ngay sau khi chiếm được thành Gia Định, Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa Pháp đã gửi thư cho Bonard – Đô đốc Tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh Pháp tại Đông Dương nhấn mạnh cần phải nhanh chóng kiểm soát và chiếm đóng Côn Đảo. Ngày 28 tháng 11 năm 1861, thực hiện chỉ thị của Bonard, chỉ huy Lespès Nicolas Joachim cùng chiến hạm Norzagaray đã tiếp cận và đặt chân lên Côn Đảo. Tiếp đó, viên chức Félix Roussel dẫn đầu một phái đoàn ra đảo để khảo sát địa hình và chuẩn bị các điều kiện cần thiết nhằm biến nơi đây thành địa điểm lưu đày cho các loại tội phạm bị xem là nguy hiểm [10, tr.30]. Như vậy, ngày 28 tháng 11 năm 1861 đánh dấu thời điểm Pháp chính thức đặt chân lên đảo Côn Lôn, và ngày 01 tháng 02 năm 1862 có thể được xem là cột mốc cho việc thiết lập nhà tù Côn Đảo – khởi đầu cho một giai đoạn kéo dài của chế độ giam giữ và cưỡng bức lao động dưới sự cai trị của thực dân Pháp tại Việt Nam [10, tr.31].

Trong quá trình hoạt động, số lượng tù nhân tại Côn Đảo liên tục gia tăng, từ 50 phạm nhân bị giam giữ vào năm 1862 lên đến 700 người năm 1874 và đến năm 1890, đã vượt ngưỡng 1.000 tù nhân. Đặc biệt, trong nửa đầu thế kỷ XX, số lượng tù nhân thường xuyên duy trì ở mức trên 2.000 người (xem Bảng 1).

Bảng 1. Số lượng tù nhân ở Côn Đảo giai đoạn 1930 – 1936 [11, tr.156]

Năm	1930	1931	1932	1933	1934	1935	1936
Số lượng (người)	1.992	2.146	2.276	2.483	2.717	2.399	2.436

Ở Côn Đảo, tù nhân được chia thành 3 hạng căn cứ vào tình trạng tội phạm và hạnh kiểm do giám thị đánh giá. Hạng I gồm tù nhân được điểm tốt nhất. Tù nhân hạng này có thể được ghi tên vào danh sách ân giảm, ân xá hoặc được phóng thích có điều kiện nhưng phải do thống đốc Nam Kỳ đề nghị lên Toàn quyền xét duyệt. Lực lượng này cũng có thể được nhận làm công nhân tư gia ở các văn phòng. Tù nhân hạng II gồm các tù nhân có thể được sử dụng vào việc khai thác thuộc địa và làm những việc công ích khác. Hạng III là loại kém nhất phải làm công việc khổ sai nặng nhọc nhất, khi cần thì nhốt riêng (biệt giam). Như vậy, việc phân hạng tù nhân không chỉ phản ánh cơ chế kiểm soát và đánh giá hành vi, mà còn là cơ sở cho việc tổ chức lao động cưỡng bức với các mức độ khác nhau [12, tr.50].

3.2. Các hình thức lao động cưỡng bức

Do đảo nằm biệt lập ngoài khơi và hầu như không có cư dân sinh sống, Côn Đảo trở thành môi trường lý tưởng để tổ chức các hình thức lao động cưỡng bức quy mô lớn mà không chịu sự giám sát hay phản ứng từ xã hội dân sự. Công việc của các tù nhân được quy định bởi sắc lệnh ngày 17 tháng 5 năm 1916 cũng như quy định về sử dụng lao động khổ sai. Theo đó, những người bị kết án và giam giữ tại Côn Đảo sẽ được tuyển dụng vào “công việc thuộc địa và công ích cho Nhà nước, thuộc địa, các thành phố tự trị...” [13, tr.39], hoặc cho các nhà thầu tư nhân thuê hoặc làm các công việc bên trong nhà tù như: đan rổ, làm mộc, làm mảnh, nhuộm vải, may quần áo, mũ, v.v...

Một trong những nhiệm vụ lao động phổ biến đối với tù nhân tại nhà tù Côn Đảo là làm việc tại Sở Cũi và Sở Chuồng Bò, hai đơn vị lao động sản xuất trực thuộc hệ thống tổ chức khổ sai trên đảo [12, tr.58]. Tại Sở Cũi, tù nhân có trách nhiệm khai thác và vận chuyển củi phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của toàn đảo. Loại củi phổ biến nhất là củi thường dùng để nấu ăn cho tù nhân tại các khu giam (banh). Tuy nhiên, nhiều loại củi khác được sử dụng cho mục đích công nghiệp đòi hỏi cường độ lao động cao và điều kiện khai thác khắc nghiệt hơn. Cụ thể, củi sử dụng trong lò vôi và lò gạch phải được khai thác từ những cây gỗ lớn, đòi hỏi tù nhân phải chặt, cưa thành từng đoạn, thậm chí phải đào cả gốc cây để phục vụ cho quá trình nung vật liệu xây dựng. Đặc biệt, việc khai thác củi dùng cho nhà đèn - nơi cung cấp nhiên liệu cho máy phát điện trên đảo - là nặng nề nhất. Loại củi này bắt buộc phải là gỗ chất lượng cao, có đường kính tối thiểu 20 cm và chiều dài đúng 1 m. Bên cạnh đó, củi hầm than cũng yêu cầu chất lượng tương đương, với đường kính từ 10 đến 15 cm để đảm bảo hiệu quả trong quá trình sản xuất than. Để đáp ứng yêu cầu, tù nhân phải lao động với cường độ cao, thường xuyên vượt quá khả năng thể chất, trong khi dinh dưỡng và điều kiện sinh hoạt hoàn toàn không đảm bảo. Những yếu tố này đã khiến lao động tại Sở Cũi trở thành một trong những hình thức khổ sai khắc nghiệt nhất tại Côn Đảo [12, tr.59].

Tương tự, những người tù nhân còn tham gia vào việc dọn tàu và vận chuyển hàng hóa từ tàu vào đảo. Trung bình, cứ khoảng hai tuần lại có một chuyến tàu vận chuyển thóc, cá khô và nhu yếu phẩm ra đảo. Mỗi khi tàu đến, một tổ lao động thuộc Sở Chi Tồn (thường gồm 50 đến 60 tù nhân) được điều động ra cảng để thực hiện công việc bốc dỡ hàng hóa. Do địa hình vịnh Côn Lôn cạn, tàu lớn không thể cập cảng trực tiếp mà phải neo đậu ở khu vực Đá Trắng, gần Hòn Bảy Cạnh. Từ đây, hàng hóa được trung chuyển vào bờ bằng các xà lan nhỏ, mỗi chuyến phải dỡ hàng từ hầm tàu, chuyển qua xà lan, đưa vào bờ, rồi tiếp tục bốc vác vào kho chứa. Tù nhân làm việc liên tục từ sáng đến tối, thậm chí có khi phải làm cả đêm dưới ánh đèn dầu cho đến khi toàn bộ hàng hóa được vận chuyển xong [12, tr.61].

Đặc biệt, nhiều tù nhân còn tham gia vào công việc khai thác đá học tại khu vực chân Núi Chúa. Họ được phân công nhiệm vụ khoan lỗ, đặt mìn, nổ đá, đập nhỏ, khuôn vác và vận chuyển đá về nơi tập kết bằng xe đẩy thủ công. Bên cạnh đó, các tù nhân cũng phải tham gia vào các đội vận chuyển đá để mở rộng mạng lưới hạ tầng của đảo. Khoảng 50 km đường đá từ Cỏ Ống đến Bến Đầm và các tuyến nhánh trong thị trấn Côn Đảo được xây dựng hoàn toàn bằng sức lao động của các tổ tù làm đường [12, tr.61].

Ngoài ra các tù nhân còn bị huy động tham gia vào công việc khai thác san hô để nung vôi, phục vụ cho nhu cầu xây dựng các công trình trên đảo như nhà giam, lò vôi, tường rào và trụ sở cai quản. Bãi san hô tự nhiên trải dài từ khu vực Lò Vôi đến gần Đá Trắng, cách bờ khoảng 2 km, trở thành nguồn nguyên liệu chính cho hoạt động sản xuất vôi sống. Mỗi kíp lao động thường gồm từ 80 đến 100 tù nhân. Vào lúc thủy triều rút, tù nhân bị buộc phải mang theo công cụ như đòn xeo, chèo sào... để ra đến khu vực san hô. Khi nước dâng trở lại, san hô được chất lên xà lan và vận chuyển về Lò Vôi. Việc khai thác san hô đòi hỏi kỹ thuật thô sơ và sức lực lớn.

Bên cạnh sử dụng lao động kết án phục vụ trong nhà tù, các công ty khai thác mỏ, công ty xây dựng và đồn điền cũng thuê lao động tù nhân ở Côn Đảo. Đối với các viên chức nhà tù, hoạt động cho thuê lao động tù nhân này là cách dễ dàng và hiệu quả để tạo ra thu nhập. Các doanh nhân không chỉ trả phí cho nhà tù đối với những tù nhân mà họ tuyển dụng mà còn chịu toàn bộ trách nhiệm về thức ăn, quần áo và nơi ở của những tù nhân đó. Do đó, ngay từ cuối những năm 1890, hàng ngàn tù nhân từ Côn Đảo và các nhà tù ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã xây dựng thành phố cảng mới Cap Saint-Jacques (Vũng Tàu) [6, tr.85].

Đặc biệt, trong bối cảnh chính quyền thực dân Pháp tại khu vực Thái Bình Dương phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt lao động nghiêm trọng, nhu cầu tuyển mộ nhân lực từ các thuộc địa Đông Dương, đặc biệt là Việt Nam, ngày càng trở nên cấp thiết. Hệ quả là vào năm 1891, một chuyến tàu chở theo 768 người Việt Nam, trong đó có một số tù nhân chính trị từng bị giam giữ tại Nhà tù Côn Đảo (Poulo-Condore), đã được đưa đến New Caledonia dưới danh nghĩa lao động hợp đồng [14, tr. 265].

Như vậy có thể thấy, lực lượng lao động tù nhân ở Côn Đảo có thể phải thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau nhưng nhìn chung những công việc đó đều nặng nhọc và nguy hiểm đến người lao động.

3.3. Đời sống và làn sóng đấu tranh của lao động bị kết án ở Côn Đảo

Mặc dù công việc vất vả và khó khăn, hầu hết tù nhân Côn Đảo không được trả lương theo cách thông thường như lao động tự do. Thực tế, họ bị ép buộc tham gia lao động khổ sai trong điều kiện tồi tệ và quyền lợi hạn chế. Trong công văn ngày 12/3/1862, Bonard đề nghị tù nhân đi lao dịch được hưởng mỗi tháng 3 francs; tuy nhiên, đề nghị không được Bộ Hải quân và thuộc địa chấp thuận, vì vậy việc trả lương cho lao động tù nhân khá mơ hồ và tượng trưng. Vào cuối những năm 1870, chính quyền đã cố gắng tăng năng suất lao động của nhà tù bằng cách cung cấp cho những tù nhân lao động khổ sai một mức lương hàng tháng khiêm tốn. Đến ngày 17 tháng 5 năm 1916, chính quyền mới đặt ra các quy tắc quản lý khu vực, theo đó những người tù nhân tham gia lao động sẽ nhận hai phần ba sản phẩm của công việc của mình, trong khi phần ba còn lại được phân bổ cho ngân sách của tổ chức quản lý. Trường hợp nếu công ty ở xa trại giam thì chủ tư nhân phải cung cấp thức ăn cho tù nhân, thiết lập các trại đặc biệt để giam giữ hay chăm sóc y tế. Ngày 25 tháng 3 năm 1927, Thống đốc Nam Kỳ đã ấn định giá thuê lao động hình sự ở Nam Kỳ là 0p.45 một ngày, hoặc 0p.25 nửa ngày cho một tù nhân [13, tr.40].

Tuy nhiên, trên thực tế, những người lao động bị kết án này thường không nhận đủ số tiền lương mà còn bị cúp phạt và đánh đập. Không chỉ vậy, lực lượng này còn đối mặt với điều kiện sống thiếu thốn và khắc nghiệt, bệnh tật, kiệt sức và tai nạn lao động trong môi trường làm việc không đảm bảo an toàn. Mặc dù không có số liệu thống kê, nhưng không thể phủ nhận rằng những công việc như đập đá, đốn củi, lấy san hô, làm đường đã góp phần làm tăng tỷ lệ tử vong và bệnh tật ở tù nhân. Ví dụ như những tù nhân đi đốn gỗ phải đối mặt với đường dốc, mưa trơn, vất vả, muỗi và ăn uống kham khổ thiếu thốn, do đó nhiều người không lấy đủ số lượng gỗ quy định và phải chịu sự trừng phạt. Có người không chịu đựng được đã phải tự chặt ngón chân, ngón tay để thoát khỏi khổ dịch ở Sở Cui [12, tr.60].

Tương tự, những tù nhân khi khai thác đá cũng phải đối mặt với việc bị đá sập, trong đó một vụ sập đá lớn diễn ra ở Núi Chúa vào tháng 9 năm 1932 làm chết tại chỗ 5 người, trong đó có 3 người tù chính trị và làm bị thương nhiều người khác. Những người quản lý tù đã điều động hàng trăm người ở những chỗ gần đó đến kích những tảng đá lớn để lấy thi thể hoặc đưa những người bị thương ra khỏi đồng đò nát. Một tù nhân Côn Đảo thời kỳ 1939 - 1945 cũng cho biết khoảng trước chiến tranh thế giới, những người trong kíp đập đá Sở Chỉ Tồn còn thấy có một tấm bia dựng ở công trường đá Núi Chúa ghi lại một tai nạn sập đá: 19 người bị chết, 7 người bị thương nặng, 11 người bị thương nhẹ. Tù nhân Sở Chỉ Tồn đã tuyệt thực 5 ngày để phản đối chế độ khổ sai giết người và dựng bia kỷ niệm những người bị nạn, trừng phạt bọn cai tù ở công trường đập đá và cải thiện chế độ lao dịch quá nặng nề [12, tr.62].

Những người tù nhân tham gia làm đường cũng bị bóc lột và đánh đập tàn bạo. Hàng ngày, họ phải gò lưng dưới nắng rát, chân đạp lên mặt đường trải đá dăm sắc cạnh, ra sức kéo trục hồ lô lăn đường nặng cả tấn. Trong khi đó “bọn ngục tốt trực sẵn bên cạnh, thấy ai hơi trễ nải một chút là múa hèo, múa gậy giáng xuống chan chất, không hề nói tay mặc kệ cho tù bể đầu, gãy xương. Nhanh lên, mau lên! Làm hối hả đi! Bả vai, chân tay bị thương đau đớn, mồ hôi ra như tắm ướt đầm, thân lưng trần trụi trông rõ lằn ngang, lằn dọc dày đặc” [12, tr.62]. Thậm chí, để tiết kiệm thời gian và chi phí vận chuyển, tù nhân phải ngủ ở ngoài trời, dọc theo những con đường họ làm việc. Có lẽ điều kiện ở đây tệ nhất là ở những vùng cao xa xôi, nơi mà nạn đánh đập và làm việc quá sức kết hợp với tỷ lệ mắc bệnh sốt rét và kiết lỵ cao đã tàn phá các đội lao động trong tù.

Công việc lấy san hô cũng khiến những tù nhân phải đối mặt với nhiều nguy hiểm. Nhiều khi họ bị trượt chân, đứt dây buộc, hoặc đòn xeo bật mạnh quật trở lại, tung mấy người ngã xuống đám san hô tua tủa sắc nhọn. Vỡ đầu, gãy tay, gãy chân, đứt thịt, lòi xương... là chuyện thường xảy ra. Người tù phải ngâm mình dưới nước cả chục tiếng đồng hồ trong khung cảnh đói rét, mệt mỏi hay bệnh tật nếu không muốn chịu đòn roi của quản ngục. Có khi trời sắp nổi cơn giông, bọn

gác ngục vẫn xua tù nhân ra biển. Vừa ra khỏi bờ thì mưa ập đến, gió thổi bạt cả xà lan. Tù nhân phải nhảy xuống nước, ghì mỏ neo vào một tảng san hô lớn, rồi họ ôm lấy nhau chống với gió rét. Kết quả là nhiều tù nhân đã tự tử! Có người đã thắt cổ tự tử trên cành cây ngang lối thường đi của chúa đảo. Có người treo sẵn trên cây, đợi “Ông Lớn” đi kiểm tra ngang qua, nhảy bổ từ trên cao xuống, đâm đầu vào đồng đá hộc cho tan sọ. Nhưng đến cả cái chết thương tâm như vậy, cũng không làm tên chúa đảo mỉm lòng [12, tr.66].

Cuối cùng, việc tư nhân hóa hình phạt khiến những tù nhân bị các nhà thầu bóc lột và lạm dụng. Ví dụ, năm 1883, khi 158 tù nhân được đưa đến để xây dựng một ngọn hải đăng trên Đảo Bãi Cạnh. Đây được xem là một công việc nguy hiểm mà theo đánh giá của quân đốc nhà tù “việc vận chuyển vật liệu bằng sức của người tù là tuyệt đối không thể thực hiện được, nếu cứ tiếp tục như vậy thì mỗi người tù chỉ làm được vài ngày là kiệt sức và bị bệnh” [10, tr.88]. Do đó, trong tổng số 158 tù nhân đưa ra Bãi Cạnh đến tháng 02/1884 chỉ còn 38 người có thể làm việc. Báo cáo của quân đốc Bocquet cũng phản ánh tình trạng của tù nhân ở đây “chúng làm việc giữa trời, khi cơn giông đột ngột trút xuống rừng cây thì hàng trăm người tù biến thành một lũ chuột lột” [10, tr.88]. Kết quả là, trong số 55 tù nhân lao dịch từ ngày 27/11/1883 đến ngày 11/01/1884, có đến 11 người chết và 43 người bị bệnh. Thậm chí, chỉ trong 18 ngày từ ngày 12 đến ngày 29/01/1884 có đến 5 người chết và 51 người bệnh trong tổng số 122 tù nhân mới ra thay thế [10, tr.88].

Trong bối cảnh đó, những người lao động bị kết án đã đứng lên đấu tranh với nhiều hình thức như tuyệt thực, đình công, bãi công, hô khẩu hiệu. Mối một số các cuộc đấu tranh tiêu biểu như cuộc bạo động của tù nhân xây hải đăng tại hòn Bãi Cạnh năm 1883. Theo đó, tù nhân nổi dậy giết 8 tên lính gác và 1 viên sĩ quan chỉ huy là Gaston Cabilic, kiểm định viên công chính Jules Pierre Dulong và viên đốc công Bidaut. Tù nhân đã mang theo những khẩu súng cướp được và toàn bộ lương thực sau đó dùng tàu và ca nô vượt biển. Nhiều tù nhân đã trốn thoát, một số bị bắt lại tuy nhiên đã khiến phía Pháp hoang mang; chính cuộc bạo động này được giới báo chí Pháp gọi là “Cuộc cách mạng ở Côn Đảo” [12, tr.73]. Tương tự, năm 1932, Tôn Đức Thắng đã tập hợp nhiều người cộng sản tại Hàm xay lúa để đấu tranh cải thiện chế độ làm việc nặng nhọc, sinh hoạt khổ sai, phân công lại công việc hợp lý. Sau các cuộc đấu tranh, chế độ lao động của tù nhân có sự thay đổi nhưng chỉ ở mức độ hạn chế, mang tính thời điểm. Một số cuộc đấu tranh thất bại và bị đàn áp dã man. Tuy nhiên, mức độ quyết liệt và lan rộng của các cuộc đấu tranh đã cho thấy chế độ lao tù tàn bạo, đồng thời cổ vũ tinh thần đấu tranh cho tù nhân [11, tr.236].

4. Kết luận

Nghiên cứu trường hợp về lao động bị kết án tại nhà tù Côn Đảo thời kỳ Pháp thuộc cho thấy, đây không đơn thuần là một thiết chế hình sự phục vụ mục tiêu giam giữ và trừng phạt, mà còn là một không gian cưỡng bức lao động có tổ chức, gắn chặt với chiến lược thuộc địa hóa của chính quyền thực dân Pháp. Trong bối cảnh thiếu hụt lao động, đặc biệt ở các khu vực hẻo lánh và chiến lược như Côn Đảo, nhà tù trở thành một công cụ kép: vừa kiểm soát xã hội, vừa sản xuất sức lao động. Các hình thức lao động cưỡng bức tại đây trải rộng từ khai thác tài nguyên, xây dựng hạ tầng đến phục vụ hậu cần – tất cả đều diễn ra trong điều kiện thiếu an toàn, không thù lao và thường xuyên đi kèm với bạo lực thể xác.

Việc phân loại tù nhân, thiết lập trại dịch vụ, cho thuê lao động, cũng như xuất khẩu tù nhân ra các thuộc địa khác như New Caledonia, phản ánh sự thể chế hóa của mô hình “lao động hình sự” trong cấu trúc cai trị thuộc địa. Đồng thời, phản ứng của tù nhân thông qua các hình thức đấu tranh như tuyệt thực, đình công, thậm chí nổi dậy vũ trang, cho thấy tính chất mâu thuẫn gay gắt giữa chiến lược khai thác và sức chịu đựng của con người trong môi trường ngục tù khắc nghiệt. Đặc biệt, cũng chính từ lao động khổ sai ấy, ý chí đấu tranh và bản lĩnh cách mạng của nhiều người đã được tôi luyện mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Từ góc nhìn lịch sử – xã hội học, trường hợp Côn Đảo đặt ra yêu cầu cần tái hiện và nhìn nhận lại vai trò của lao động bị kết án như một cấu phần quan trọng trong vận hành nhà nước thuộc địa – nơi quyền lực, sản xuất và trừng phạt giao nhau trong thực tiễn. Đồng thời, nó cũng gợi mở

hướng nghiên cứu so sánh về chính sách lao động hình sự tại các thuộc địa khác trong hệ thống đế quốc, từ đó góp phần bổ sung vào hiểu biết toàn diện hơn về lịch sử lao động cưỡng bức trong thời kỳ cận – hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] A. Eckert, *Global histories of work*, De Gruyter Oldenbourg, 2016.
- [2] B. S. Rutherford, “Prison labor in America: History, Race, and State Power,” *Tennessee Journal of Race, Gender, & Social Justice*, vol. 13, no. 2, 2024, doi: 10.70658/2693-3225.1237.
- [3] V. C. Westmont, “Labor as punishment: Excavating labor within the southern convict lease system,” *World Archaeology*, vol. 55, pp. 25-47, 2023, doi: 10.1080/00438243.2024.2362887.
- [4] D. McNally, “Marx on colonization and bonded labor: The end of capital and the beginning of a journey,” *Review of Radical Political Economics*, vol. 56, no. 4, pp. 461-468, 2024, doi: 10.1177/04866134241269550.
- [5] R. M. Allen, E. Captian, M. V. Rossum, and U. Vyent, *Dutch colonial slavery and its afterlives: Findings*, Leiden University Press, 2025.
- [6] P. Zinoman, *The colonial Bastille: A history of imprisonment in Vietnam, 1862–1940*, University of California Press, 2001.
- [7] L. M. Paterson, “Prisoners from Indochina in the nineteenth-century French colonial world,” In *Exile in colonial Asia: Kings, convicts, commemoration*, R. Ricci, J. H. Bentley, and A. A. Yang, Eds. University of Hawai’i Press, 2016, pp. 220-247.
- [8] P. T. Truong, “The Resistance Movement of Vietnamese Communist Fighters Against the French Colonial Prison System (1930-1945),” *Social Sciences Journal*, vol. 2, no. 234, pp. 55-67, 2018.
- [9] M. T. Nguyen, “From the Epic of Resilience at Con Dao to Revolutionary Ideological Education for Today’s Students,” *Journal of Education and Society*, Special Issue, pp. 172-183, 2022.
- [10] P. L. Huu, *Con Dao Prison (1862–1930)*, Vietnam National University Press, 2006.
- [11] T. P. Nguyen, N. M. Vo, and D. T. Nguyen, *History of the revolution in Con Dao political prison in Vietnam (1862-1975)*. National Political Publishing House, 2010.
- [12] D. T. Nguyen, L. Nguyen, and S. T. Ho, *History of Con Dao Prison 1862-1975*. Ho Chi Minh City General Publishing House, 2009.
- [13] B. René, “Labor and labor legislation in Indochina,” (in French), Doctoral thesis, University of Bordeaux, 1936. [Online]. Available: <https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k98115195.texteImage>. [Accessed March 20, 2025].
- [14] L. S. Feuer, “End of coolie labor in New Caledonia,” *Far Eastern Survey*, vol. 15, no. 17, pp. 264-267, 1946, doi: 10.2307/3023366.